

# CHƯƠNG 4

## KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Ths. Phạm Thị Huyền Quyên

# **NỘI DUNG**

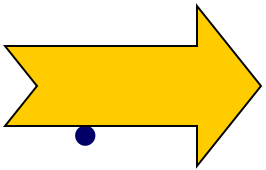
- I. Một số vấn đề chung về CPSX và giá thành sản phẩm**
- II. Kế toán chi phí sản xuất**
- III. Đánh giá sản phẩm dở dang**
- IV. Phương pháp tính giá thành**
- V. Kế toán thiệt hại sản phẩm hỏng**
- VI. Kế toán CPSXKD phụ**

# **I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

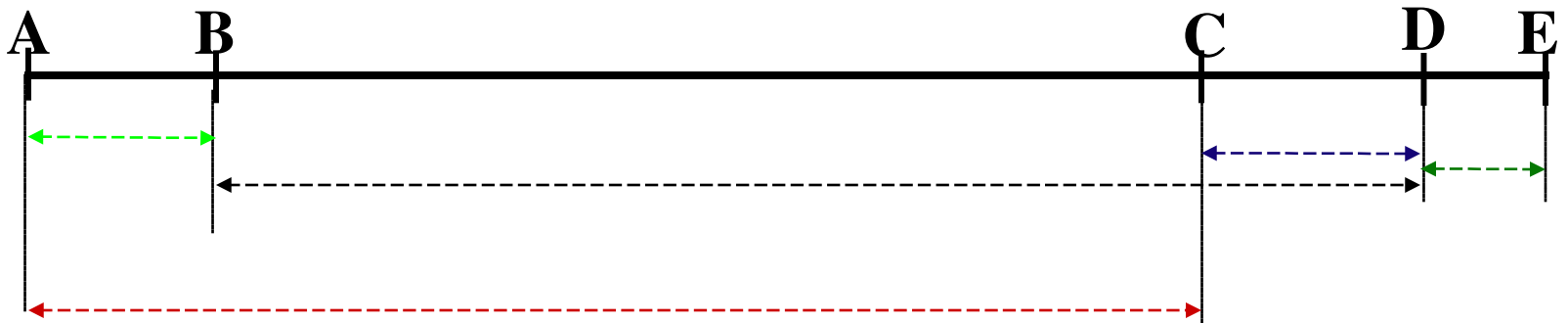
- 1. Khái niệm**
- 2. Phân loại CPSX & giá thành SP**
- 3. Đối tượng kế toán CPSX, đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành.**
- 4. Nhiệm vụ của kế toán**

# 1. Khái niệm

- **Chi phí sản xuất** là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ lao động sống và lao động vật hoá mà DN đã chi ra để tiến hành hoạt động SX trong một thời kì nhất định.
- **Giá thành sản phẩm** là chi phí sản xuất tính cho một khối lượng hoặc đơn vị sản phẩm hoàn thành.
  - giống nhau về chất
  - khác nhau về lượng



## PHÂN BIỆT CHI PHÍ SX & GIÁ THÀNH SP



**AB: Chi phí SXDD đầu kỳ**

**BE: Chi phí SX phát sinh trong kỳ**

**CD: Chi phí SXDD cuối kỳ**

**DE: Thiệt hại trong sản xuất**

**AC: Giá thành sản phẩm, dịch vụ**

## **2. Phân loại CPSX và giá thành SP**

### **2.1. Phân loại CPSX**

### **2.2. Phân loại giá thành sản phẩm**

## 2.1. Phân loại CPSX

- **Phân loại theo nội dung kinh tế: CPSX gồm các yếu tố:**
  - Chi phí nguyên liệu, vật liệu
  - Chi phí nhân công
  - Chi phí khấu hao TSCĐ
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - Chi phí bằng tiền khác

# 1. Phân loại CPSX

- **Phân loại CPSX theo công dụng kinh tế: 3 khoản mục:**
  - Chi phí nhân công trực tiếp
  - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
  - Chi phí sản xuất chung



## 2.1. Phân loại CPSX

- **Căn cứ vào sự thay đổi của CP theo sản lượng:**
  - **Chi phí biến đổi:** CP thay đổi về tổng số theo sự thay đổi của số lượng sản phẩm, nhưng không thay đổi trên 01 đơn vị sản phẩm.
  - **Chi phí cố định:** CP không thay đổi về tổng số khi số lượng sản phẩm thay đổi (trong một phạm vi nhất định). Định phí thay đổi trên 1 đơn vị hoạt động.

## 2.1. Phân loại CPSX

- **Căn cứ phương pháp ghi nhận CP cho đối tượng liên quan:**
  - Chi phí trực tiếp: Là những khoản chi phí sản xuất mà có liên quan trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm nhất định và được tập hợp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.
  - Chi phí gián tiếp: Là những khoản chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều loại sản phẩm khác nhau.

## 2. 2. Phân loại giá thành sản phẩm

- **Giá thành định mức:** Là giá thành được xây dựng trên tiêu chuẩn của chi phí định mức. Giá thành định mức thường được lập cho từng loại sản phẩm trước khi sản xuất.
- **Giá thành kế hoạch:** là giá thành được xây dựng theo tiêu chí định mức nhưng có điều chỉnh năng lực hoạt động trong kỳ kế hoạch hay kỳ dự toán.
- **Giá thành thực tế:** Là giá thành tính trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ. Được xác định sau khi quá trình sản xuất hoàn thành.

## **3. Đối tượng kế toán CPSX và đối tượng tính giá thành**

3.1. Đối tượng kế toán CPSX

3.2. Đối tượng tính giá thành

3.3. Kỳ tính giá thành

# 3.1. Đối tượng kế toán CPSX

## **Kế toán CPSX:**

- Theo dõi các NVKT phát sinh, ghi nhận tạm thời CP SX phát sinh vào các TK CP
- Thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt kỳ kế toán

## **Đối tượng kế toán tập hợp CPSX:**

- là phạm vi, giới hạn, đối tượng mà CP SX được tập hợp.
- → *phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm.*

## 3.1. Đối tượng kế toán CPSX

- **Đối tượng kế toán tập hợp CPSX** có thể là nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ,...) hoặc đối tượng chịu chi phí (sản phẩm, nhóm sản phẩm, hoặc từng đơn đặt hàng,...)
- **Để xác định đúng đối tượng tập hợp CPSX cần căn cứ vào:**
  - Tính chất sản xuất, quy trình công nghệ.
  - Loại hình sản xuất, đặc điểm tổ chức sản xuất.
  - Yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp.
  - Đặc điểm sản phẩm và yêu cầu của công tác tính giá thành sản phẩm.

## Ví dụ:

- Một phân xưởng sản xuất 3 loại sản phẩm: quần Jean, áo sơ mi nam, áo sơ mi nữ. Vậy phân xưởng này nên chọn đối tượng tập hợp chi phí là từng loại sản phẩm để phục vụ yêu cầu tính giá thành.

## 3.2. Đối tượng tính giá thành

- **Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, bán thành phẩm, công việc do đơn vị sản xuất ra, đã hoàn thành cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.**
  - **Ở ví dụ trên thì đối tượng tính giá thành là sản phẩm quần Jean, áo sơ mi nam, áo sơ mi nữ.**
- **Xác định đúng đối tượng tính giá thành là cơ sở để tổ chức hạch toán chi phí sản xuất.**



## 2. Đối tượng tính giá thành

- Để xác định đối tượng tính giá thành, cần phải căn cứ vào:
  - Đặc điểm của sản phẩm.
  - Trình độ, khả năng, phương tiện xử lý thông tin của người làm công tác kế toán.
  - Yêu cầu công tác quản lý của doanh nghiệp.

### 3.3. Kỳ tính giá thành

- **Kỳ tính giá thành:** Là thời kì mà bộ phận kế toán cần phải tổng hợp CPSX và tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành.
  - Kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo (tháng, quý)
  - Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo

## 4. Nhiệm vụ của kế toán

- Tổ chức chứng từ, sổ sách kế toán phục vụ công tác kế toán CPSX- giá thành SP
- Theo dõi, ghi nhận một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất
- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành SP
- Kiểm kê, xác định giá trị SP dở dang cuối kỳ một cách hợp lý
- Tính toán chính xác, kịp thời giá thành của những sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành

## **II. KẾ TOÁN TẬP HỢP CPSX**

- 1. Phương pháp kế toán tập hợp CPSX**
- 2. Kế toán CPNVLT**
- 3. Kế toán CPNCTT**
- 4. Kế toán CPSXC**
- 5. Kế toán CP trả trước**
- 6. Kế toán Chi phí phải trả**
- 7. Kế toán tổng hợp CPSX**

# Phương pháp kế toán tập hợp CPSX

- ❑ ***PP trực tiếp***: Áp dụng đối với những loại CPSX có liên quan trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm nhất định => được tập hợp trực tiếp cho từng loại SP để tính giá thành.
- ❑ ***PP gián tiếp***

# 1. Phương pháp kế toán tập hợp CPSX

- *PP gián tiếp*: Áp dụng đối với những loại CPSX có liên quan đến nhiều loại sản phẩm. Kế toán không thể tập hợp CPSX trực tiếp cho từng loại SP => tập hợp chung, sau đó phân bổ cho các loại SP theo tiêu thức hợp lý.

$$\text{Mức phân bổ chi phí cho đối tượng (i)} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} \times \text{Tiêu thức phân bổ của đối tượng (i)}$$

## 2. KẾ TOÁN CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP

- Khái niệm: là các chi phí về vật liệu chính, vật liệu phụ, ... dùng trực tiếp để sản xuất, chế tạo sản phẩm.
- Nguyên tắc:
  - Thường được hạch toán trực tiếp cho từng loại SP.
  - Trường hợp VL xuất dùng liên quan đến nhiều đối tượng, phải phân bổ theo tiêu thức hợp lý

# TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

## TK 621

Giá trị NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện lao vụ dịch vụ trong kỳ hạch toán

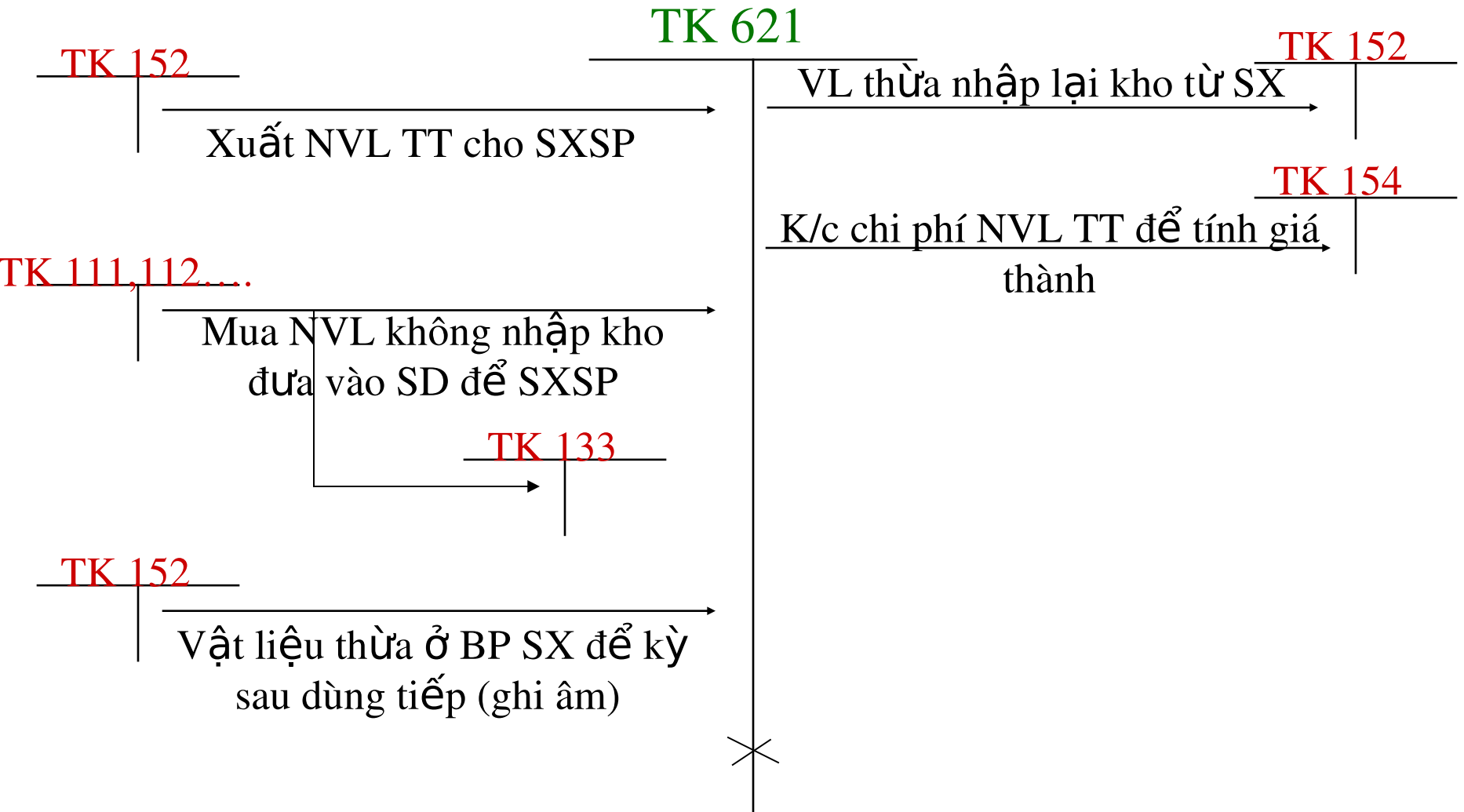
Giá trị NVL sử dụng không hết nhập lại kho.

Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp sang TK 154 (PP KKTXX) để tính giá thành.



TK 621 được mở chi tiết cho từng đối tượng hạch toán chi phí





# Ví dụ

DN sản xuất hai loại SP A và B, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tháng 1/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau: (Đvt: 1.000đ)

1. Báo cáo còn lại cuối tháng trước: Giá trị vật liệu chính còn lại tháng trước, không nhập kho để lại phân xưởng tháng này tiếp tục sử dụng để sản xuất SP A: 4.200, sản phẩm B : 1.200
2. Tổng hợp phiếu xuất kho vật liệu chính trong tháng như sau:  
Dùng sản xuất sản phẩm A: 15.000  
Dùng sản xuất sản phẩm B : 18.000
3. Mua nguyên vật liệu phụ không nhập kho đưa vào sử dụng trực tiếp sản xuất sản phẩm A và B, giá mua trên hóa đơn chưa thuế GTGT là 8.000, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán; chi phí vận chuyển thanh toán bằng tiền mặt 315, trong đó có thuế GTGT 15.
4. Cuối tháng, phân xưởng sản xuất báo cáo vật liệu chính sử dụng sản xuất SP A còn thừa để lại tháng sau trị giá 2.800, bộ phận sản xuất SP B vật liệu chính còn lại nhập kho 200.
5. Cuối tháng, tính toán phân bổ và kết chuyển CPNVLT SP A và SP B. Biết chi phí vật liệu phụ phân bổ cho từng SP A và B theo chi phí vật liệu chính thực tế sử dụng trong kỳ.

# 3. KẾ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

**Khái niệm:** Là chi phí lương và các khoản trích theo lương cho công nhân trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm.

Bao gồm:

- Lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp
- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ
- Trích trước tiền lương nghỉ phép

**Nguyên tắc:**

- Thường được ghi nhận trực tiếp cho từng đối tượng
- Trường hợp TL liên quan đến nhiều đối tượng, phải phân bổ theo tiêu thức hợp lý

# TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

## TK 622

Chi phí nhân công trực tiếp  
tham gia vào hoạt động  
SXSP

Các khoản ghi giảm chi phí  
nhân công trực tiếp.

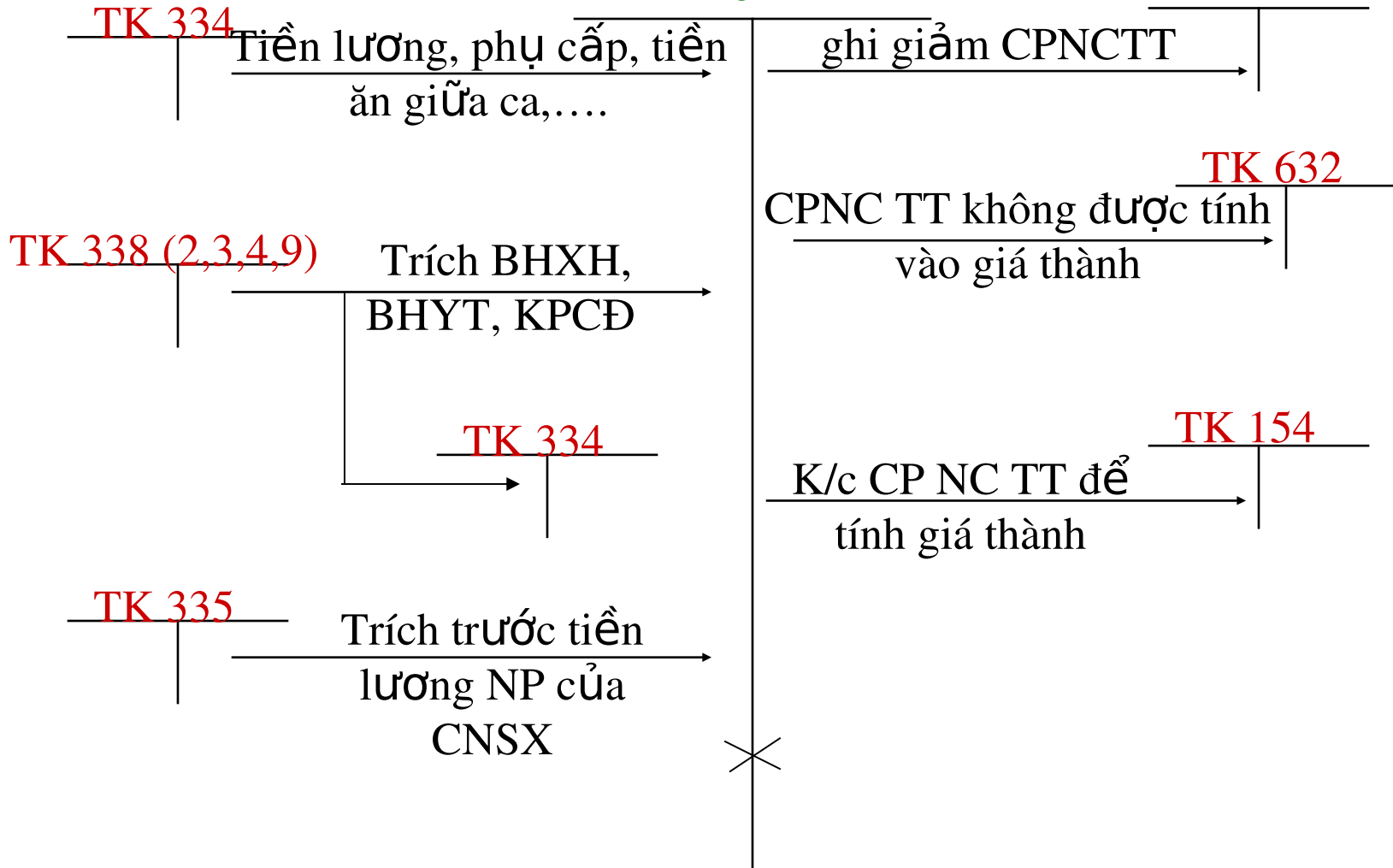
Kết chuyển chi phí nhân công  
trực tiếp sang TK 154 (PP  
KKTX) để tính giá thành.



TK 622 được mở chi tiết cho từng đối tượng  
hạch toán chi phí

TK liên quan (335)

TK 622



# Ví dụ

Một doanh nghiệp sản xuất hai loại sản phẩm A và B, tháng 1/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau: (Đvt: 1.000đ):

1. Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán tiền ăn ca:
  - Công nhân sản xuất sản phẩm A:
    - + Lương sản phẩm: 30.000
    - + Tiền ăn ca: 6.000
  - Công nhân sản xuất sản phẩm B:
    - + Lương sản phẩm: 20.000
    - + Tiền ăn ca: 4.000
    - + Lương nghỉ phép: 600
2. Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất theo tỷ lệ 3% trên tiền lương chính
3. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ qui định.
4. Cuối tháng, kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính Z sản phẩm.

## 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

- **Khái niệm:** là những chi phí phát sinh liên quan đến việc tổ chức quản lý và phục vụ sản xuất ở các bộ phận sản xuất.
- Chi phí sản xuất chung bao gồm:
  - Chi phí nhân viên phân xưởng
  - Chi phí vật liệu
  - Chi phí dụng cụ sản xuất
  - Chi phí khấu hao TSCĐ
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - Chi phí khác bằng tiền

## 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

- **CPSXC biến đổi:** được tính vào giá thành SP theo CP thực tế phát sinh.
- **CP SX chung cố định** phân bổ vào CP chế biến đơn vị SP theo sản lượng SX bình thường.
  - Trường hợp sản lượng SX thực tế > sản lượng bình thường => phân bổ vào CP chế biến đơn vị theo số thực tế phát sinh
  - Trường hợp sản lượng SX thực tế < sản lượng bình thường => phân bổ vào CP chế biến đơn vị theo mức công suất bình thường. Phần CP SX chung không được tính vào giá thành SP phải ghi nhận vào TK 632



- Thí dụ 7: CPSX chung thực tế phát sinh trong kỳ là : 250.000.000đ, trong đó CPSX chung biến đổi là: 100.000.000đ, CPSX chung cố định là: 150.000.000đ.
- Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất bình thường là 30.000 sản phẩm.
- *Yêu cầu* : Phân bổ CPSX chung biến đổi và CPSX chung cố định cho từng sản phẩm trong hai trường hợp:
- TH1: Số lượng sản phẩm hoàn thành thực tế là 50.000 sản phẩm.
- TH2: Số lượng sản phẩm hoàn thành thực tế là 20.000 sản phẩm.

# TH1: Số lượng sản phẩm thực tế lớn hơn công suất bình thường

- **CPSXC biến đổi** luôn được tính hết vào giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh là 100.000.000đ, tính cho một đơn vị sản phẩm là  $100.000.000đ/50.000sp = 2.000đ/sp$ .
- **CPSXC cố định** được tính vào giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh là 150.000.000đ (do SL SP thực tế lớn hơn công suất bình thường), tính cho một đơn vị sản phẩm là  $150.000.000đ/50.000sp = 3.000đ/sp$ .
- Tổng CPSXC được tính vào giá thành 250.000.000đ, tính cho 1 đơn vị sản phẩm là 5.000đ/sp.

## TH2: Số lượng sản phẩm thực tế nhỏ hơn công suất bình thường

- **CPSXC biến đổi** luôn được tính hết vào giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế phát sinh là 100.000.000đ, tính cho một đơn vị sản phẩm là  $100.000.000đ/50.000sp = 2.000đ/sp$ .
- **CPSX C cố định** được tính vào giá thành sản phẩm theo mức công suất bình thường:
  - Phần CPSXC được tính vào giá thành  $(150.000.000/30.000) \times 20.000 = 100.000.000đ$
  - Phần CPSXC không được tính vào giá thành:  $150.000.000 - 100.000.000 = 50.000.000đ$
- **Tổng CPSXC** được tính vào giá thành 200.000.000đ, tính cho 1 đơn vị sản phẩm là 4.000đ/sp.

# Phân bổ CPSXC

- CPSXC được tập hợp theo từng phân xưởng, bộ phận SX, cuối kỳ, phân bổ cho các đối tượng liên quan.
- Tiêu chuẩn phân bổ CPSXC:
  - Phân bổ theo định mức
  - Phân bổ theo tiền lương công nhân SX
  - Phân bổ theo CP nhân công trực tiếp
  - Phân bổ theo giờ máy
  - Phân bổ theo CP trực tiếp
  - Phân bổ theo hoạt động

# TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

## TK 627

Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

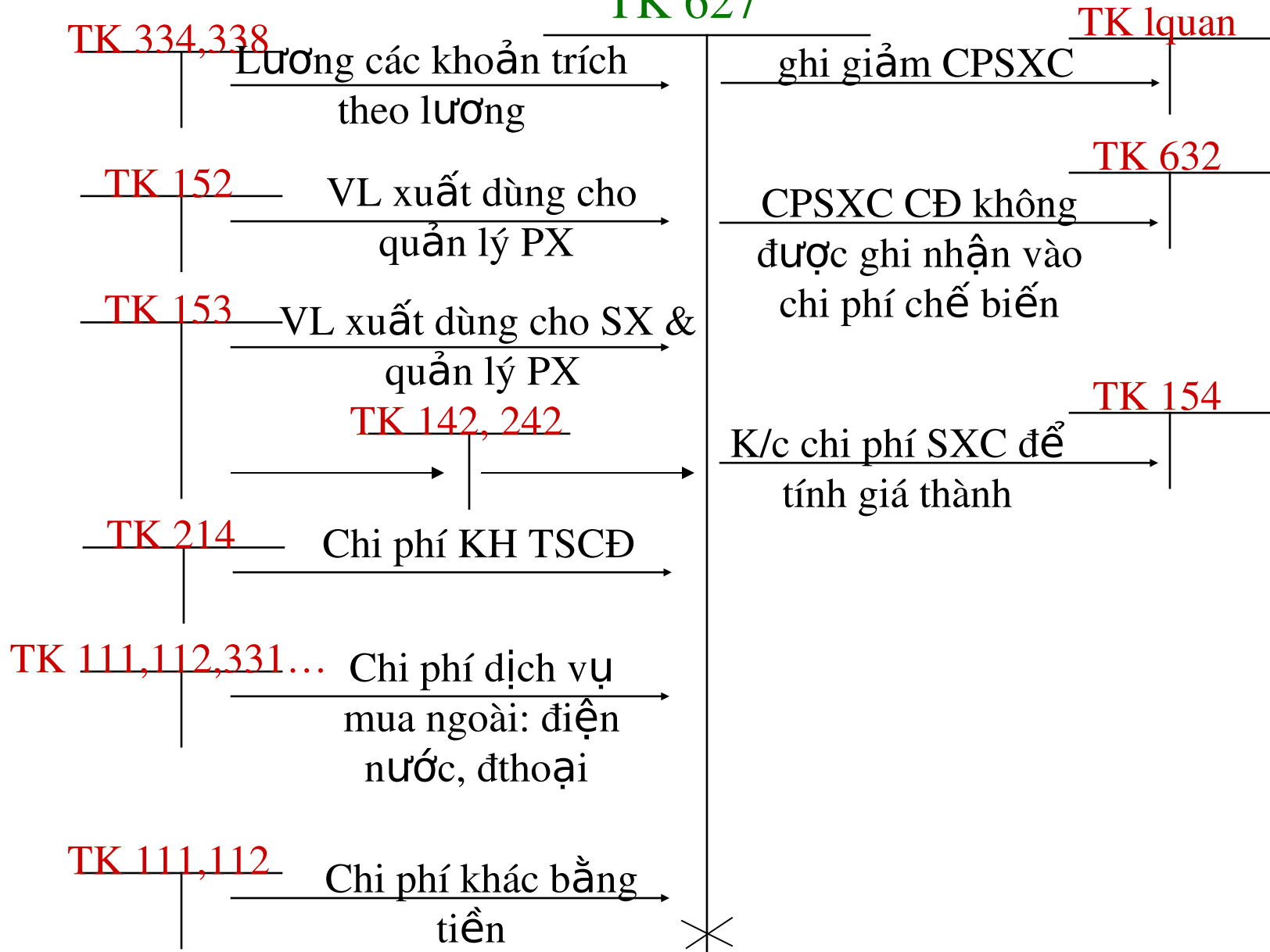
Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung.

Kết chuyển chi phí sản xuất chung sang TK 154 (PPKKTX) để tính giá thành sản phẩm.



TK 627 được mở chi tiết cho từng phân xưởng, bộ phận sản xuất

**TK 627**



- DN sản xuất 2 loại SP A và B, hạch toán hàng tồn kho theo PP kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế, tháng 1/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau: (Đvt: 1.000đ):
  1. Xuất kho vật liệu phụ dùng cho quản lý phân xưởng: 9.000
  2. Tính lương phải trả bộ phận QL PX: 9.000, tiền ăn giữa ca : 500
  3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ qui định.
  4. Trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận sản xuất:
    - Khấu hao MMTB sản xuất SP A: 5.000; SP B: 4.000
    - Khấu hao nhà cửa và TSCĐ chung ở phân xưởng: 3.000
  5. Chi tiếp khách ở phân xưởng: 300
  6. Chuyển TGNH thanh toán tiền điện sử dụng trong tháng ở bộ phận sản xuất: 6.160 (trong đó có thuế GTGT thuế suất 10%): Dùng sản xuất SP A: 3.000, dùng sản xuất SP B: 2.000, dùng thấp sáng và quản lý phân xưởng: 600
  7. Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ trong tháng 380.
  8. Phân bổ CPSXC cho SP A và SP B.
- **Biết:** CP khấu hao TSCĐ về máy móc thiết bị và CP về điện tập hợp theo phương pháp trực tiếp. CPSXC còn lại phân bổ theo tiền lương của công nhân sản xuất: A: 30.000, B: 20.000

# 5. Kế toán chi phí trả trước

- **Khái niệm** : là các khoản chi phí **đã phát sinh** nhưng có tác dụng trong nhiều kỳ hạch toán nên kế toán không tính hết vào chi phí kỳ này mà phải **phân bổ dần vào chi phí trong nhiều kỳ.**
- **Thí dụ:**
  - Trả trước tiền thuê văn phòng cho 2 năm
  - CCDC xuất dùng có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài.



**TK 142 CP trả trước ngắn hạn**  
**TK 242 – Chi phí trả trước dài hạn**

CP trả trước phát sinh trong kỳ

Các khoản chi phí trả trước phân bổ vào CP hoạt động SXKD trong kỳ

SD: Các chi phí trả trước chưa phân bổ hết vào CP SXKD

TK 153

Xuất dụng cụ loại phân  
bố nhiều lần

TK 142, 242

627,641,642

TK 111, 112

→  
Trả trước tiền thuê  
TSCĐ cho nhiều kỳ

←  
Định kỳ phân bổ  
CPTT vào CP SXKD

331, 2413, ...

→  
Các khoản chi phí trả  
trước phát sinh

## 6. Kế toán chi phí phải trả

- **Khái niệm** : là những chi phí **chưa phát sinh** nhưng đã được kế toán **tính trước vào CP SXKD** kỳ này theo kế hoạch
- **Mục đích**: nhằm ổn định CP và xác định đúng kết quả kinh doanh.
- **Thí dụ**: Trích trước tiền lương nghỉ phép cho CNSX

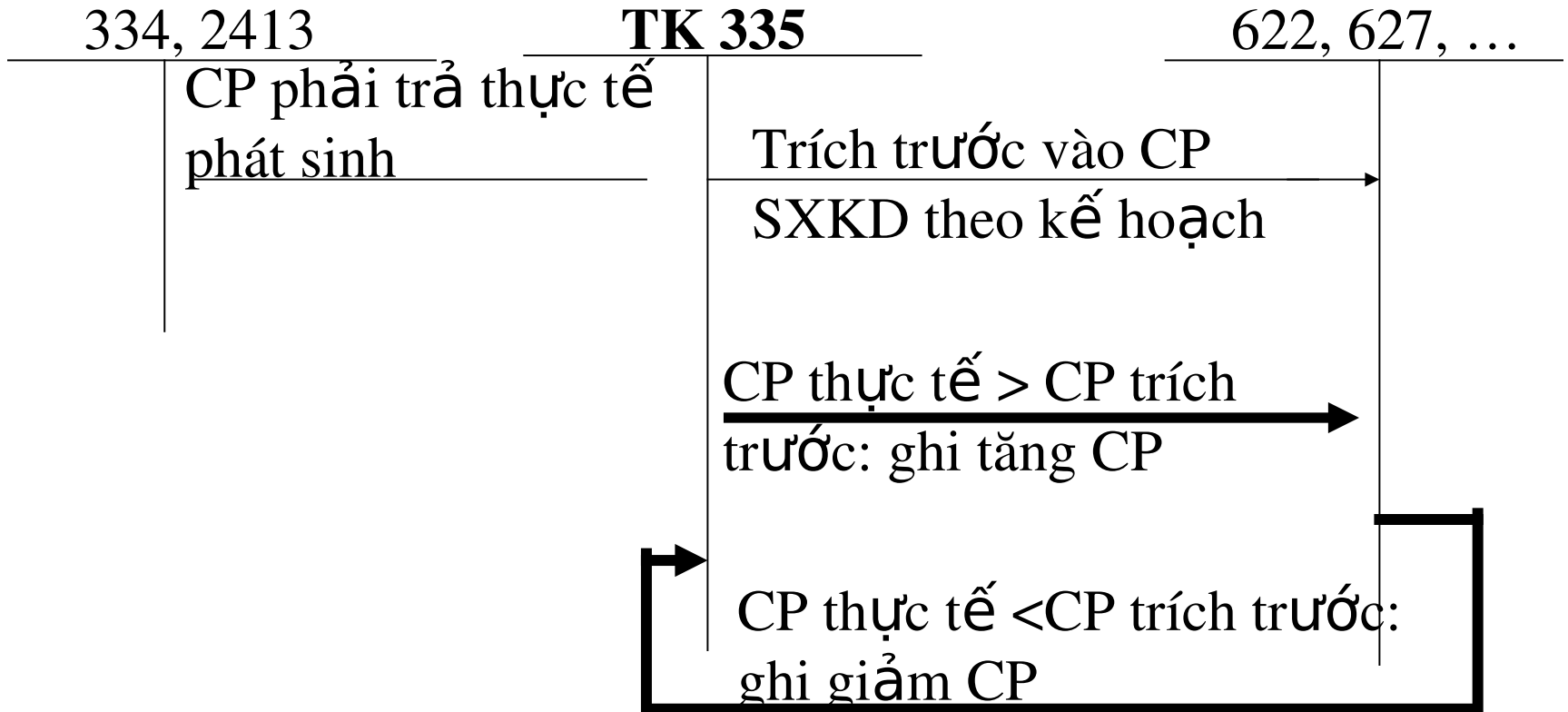
## TK 335 – Chi phí phải trả

Các CP thuộc nội dung  
CP phải trả thực tế phát  
sinh

Trích trước vào CP  
SXKD theo kế hoạch

SD: Các chi phí đã trích  
trước vào CP SXKD  
nhưng thực tế chưa phát  
sinh

# Cách hạch toán



# 7. TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

DN kế toán hàng tồn kho theo PP KKTX

TK 154

**SD: CPSXDD đầu kỳ**

Tổng hợp CPSX:

oK/chuyển CPNVLT

oK/chuyển CPNCTT

oK/chuyển CPSXC

Các khoản ghi giảm giá thành.

Giá thành sản phẩm hoàn thành.

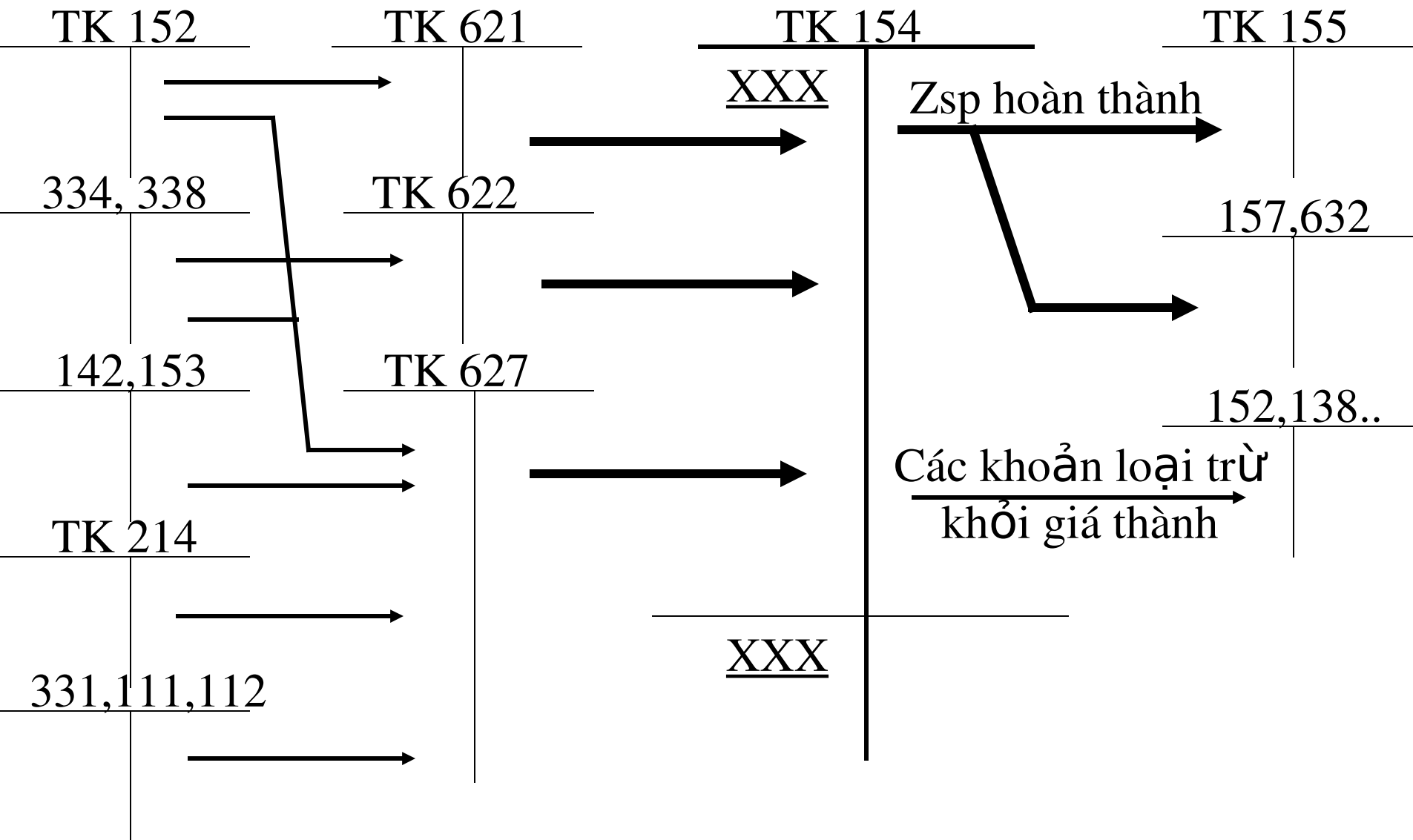
**SD: CPSXDD cuối kỳ**

TK 154 được mở chi tiết cho từng đối tượng tính giá thành

# Hạch toán các khoản loại trừ khỏi Zsp

- Giá trị phế liệu thu hồi từ SX
- Giá trị vật tư, SP thiếu, mất bất thường trong SX
- Giá trị SP phụ thu hồi từ SX

# Kế toán tổng hợp CPSX-Zsp (KKTX)





# Ví dụ tiếp theo

Từ 3 ví dụ trên, có thêm tài liệu bổ sung sau:

- Trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ:
  - + SP A: 750
  - + SP B: 500
- Trị giá sản phẩm dở dang cuối tháng:
  - + SP A: 890
  - + SP B: 626
- Trong tháng đã sản xuất được 100 sản phẩm A nhập kho và 120 thành phẩm B, trong đó nhập kho 50, gửi bán 20 và bán trực tiếp 50 sản phẩm B.
- Sản phẩm A có sản phẩm hỏng không sửa chữa được đã thu hồi phế liệu: 80, khoản bồi thường vật chất phải thu 120.

# **TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**

**(DN kế toán hàng tồn kho theo PP KKĐK)**

## **TK 631**

▪ **Kết chuyển chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từ TK 154 sang.**

▪ **Kết chuyển CPNVLT**

▪ **Kết chuyển CPNCTT**

▪ **Kết chuyển CPSXC**

▪ **Kết chuyển chi phí SXKD dở dang cuối kỳ sang tài khoản 154.**

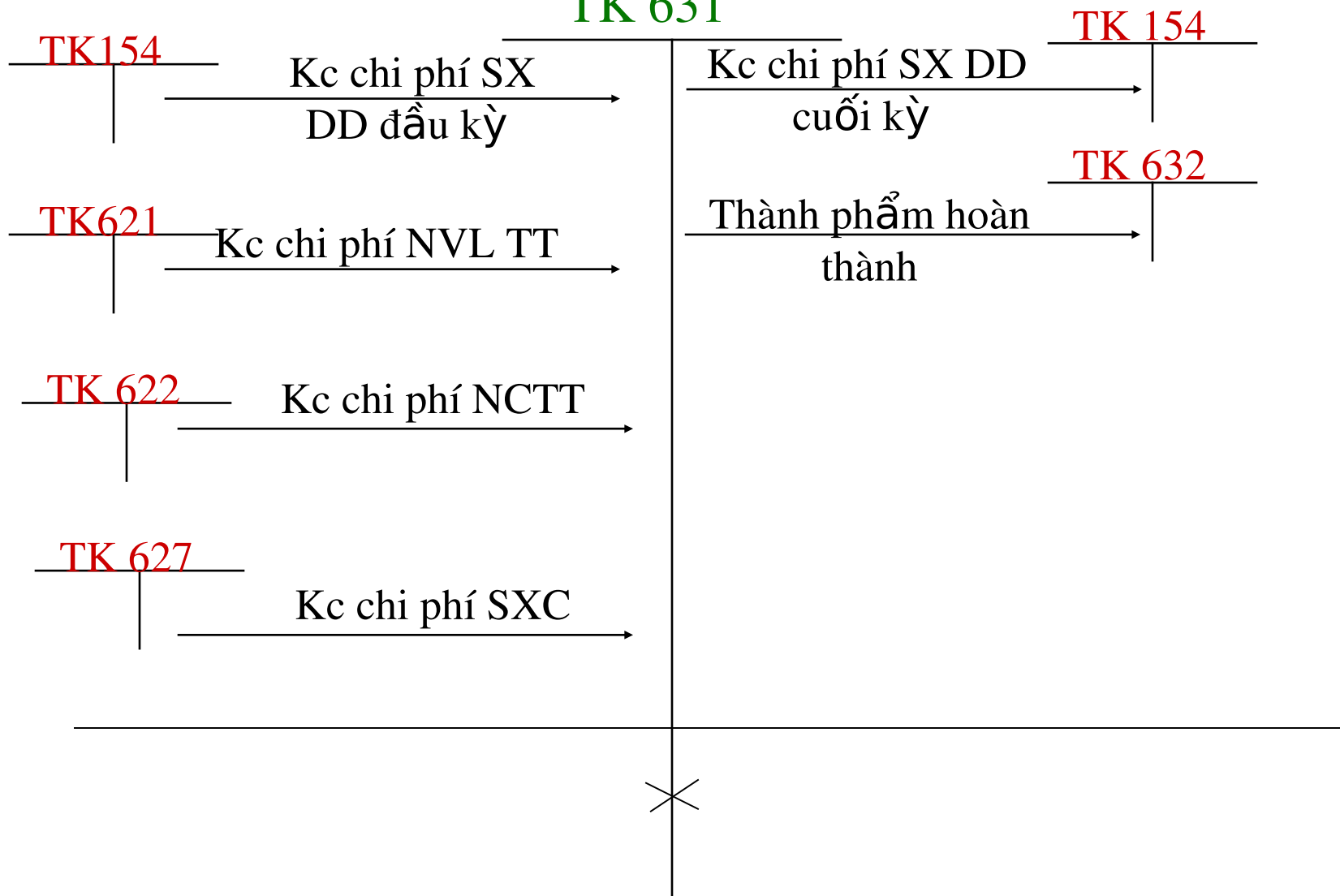
▪ **Kết chuyển giá thành sản phẩm, giá thành sản phẩm hoàn thành.**



# PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN

(DN kế toán hàng tồn kho theo PP KKĐK)

TK 631



# III. ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỒ DANG

## 1. Khái niệm

## 2. Phương pháp đánh giá SPDD

- Phương pháp CPNVLT
- Phương pháp SP hoàn thành tương đương
- Phương pháp chi phí kế hoạch

# 1. Khái niệm

- **Sản phẩm dở dang:** những sản phẩm chưa trải qua tất cả các giai đoạn chế biến của quá trình sản xuất hoặc đã trải qua các giai đoạn sản xuất nhưng chưa qua khâu kiểm tra chất lượng, chưa làm thủ tục nhập kho.
  - **CP SX dở dang cuối kỳ:** CP SX phát sinh trong kỳ, cuối kỳ còn tồn tại dưới dạng SP dở dang
  - **Kiểm kê SP dở dang:** xác định số lượng và mức độ hoàn thành của SP dở dang
  - **Đánh giá SP DD:** xác định CPSX trong SP dở dang cuối kỳ một cách hợp lý
- Ý nghĩa:** Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ để phục vụ cho yêu cầu tính giá thành sản phẩm,.

## 2. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SPDD

### PP chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Giá trị SPDD cuối kỳ chỉ tính phần chi phí NVL trực tiếp, còn các CP khác (CPNCTTT và CPSXC) tính hết cho SPHT

Giá trị SPDD cuối kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL TT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

## Ví dụ:

Một DN SX sản xuất sản phẩm A, trong tháng có số liệu sau:

- Sản phẩm dở dang đầu tháng được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là 850.000đ
- CPSX trong tháng đã được tập hợp gồm:
  - + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 10.670.000đ
  - + Chi phí nhân công trực tiếp: 732.000đ
  - + Chi phí sản xuất chung: 568.000đ
- Trong tháng sản xuất được 100 sản phẩm A hoàn thành, còn lại 20 sản phẩm dở dang.

*Yêu cầu:* Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Biết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ ngay một lần từ đầu.

## 2. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SPDD

Theo PP ước lượng SP hoàn thành tương đương

Theo PP này giá trị SPDD cuối kỳ được tính bao gồm cả CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC.

Giá trị SPDD cuối kỳ được tính theo công thức:

$$\text{CPSX có trong SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX trong SPDD đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{SLSPHT trong kỳ} + \text{SL SPHT tương đương}} \times \text{SL SPHT tương đương}$$

**SL SPHT tương đương = SL SP DD x Tỷ lệ hoàn thành**

Đối với những chi phí bỏ vào sản xuất *1 lần từ đầu* (VD: CPNVLTT) thì tính cho SPDD cuối kỳ và SPHT như nhau.

Đối với những chi phí chế biến *bỏ dần* trong quá trình SX (VD: CPNCTT, CPSXC) thì tính cho SPDD cuối kỳ theo mức độ hoàn thành.



## Ví dụ: Đánh giá SPDD

Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm B, trong tháng có số liệu sau:

- Sản phẩm dở dang đầu tháng:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 350.000

+ Chi phí nhân công trực tiếp: 62.000

+ Chi phí sản xuất chung: 93.000

- Chi phí sản xuất phát sinh trong tháng được tập hợp gồm:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 1.650.000

+ Chi phí nhân công trực tiếp: 478.000

+ Chi phí sản xuất chung: 717.000

- Trong tháng sản xuất được 160 thành phẩm B còn lại 40 sản phẩm B dở dang mức độ hoàn thành 50%. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ ngay một lần từ đầu.

*Yêu cầu:* Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

# PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SPDD

## Theo giá thành định mức

$$\text{CPSX DD cuối kỳ} = \text{Số lượng cuối kỳ} \times \text{Chi phí định mức SXSP hoàn thành} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành của SPDD}$$

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp cho những sản phẩm, công việc đã xây dựng định mức chi phí hợp lý hoặc đã thực hiện phương pháp tính giá thành theo định mức.

## Ví dụ: Đánh giá SPDD

Một DN sản xuất sản phẩm X. Doanh nghiệp đã xác định định mức chi phí sản xuất cho 1 đơn vị sản phẩm X như sau:

Khoản mục chi phí	Chi phí định mức/ 1 sp
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	12.000
- Chi phí nhân công trực tiếp	4.000
- Chi phí sản xuất chung	3.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.000</b>

Cuối tháng kiểm kê sản phẩm dở dang: 30 sản phẩm dở dang mức độ hoàn thành 40%.

Yêu cầu: đánh giá sản phẩm dở dang của sản phẩm X theo phương pháp chi phí định mức, nguyên vật liệu trực tiếp bỏ ngay 1 lần từ đầu.

# IV. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH

- Phương pháp giản đơn (trực tiếp)
- Phương pháp loại trừ chi phí
- Phương pháp tính giá thành theo hệ số
- Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ
- Phương pháp tính giá thành phân bước
  - Kiểu kết chuyển tuần tự
  - Kiểu kết chuyển song song
  - Kiểu tổng cộng chi phí
- Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

# 1. Phương pháp giản đơn (trực tiếp)

**Điều kiện vận dụng:** áp dụng thích hợp với những sản phẩm có quy trình công nghệ SX liên tục khép kín, tổ chức SX nhiều, chu kỳ SX ngắn.

Đối tượng tính giá thành phù hợp với đối tượng tập hợp CPSX, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo.

**Công thức tính giá thành:**

Tổng giá thành sản phẩm	=	CPSX dở dang đầu kỳ	+	CPSX phát sinh trong kỳ	-	CPSX dở dang cuối kỳ	-	Điều chỉnh giảm giá thành
-------------------------	---	---------------------	---	-------------------------	---	----------------------	---	---------------------------

$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Số lượng SP HT trong kỳ}}$$

# VÍ DỤ PHƯƠNG PHÁP GIẢN ĐƠN (TRỰC TIẾP)

**Một HTX sản xuất sản phẩm B, qui trình sản xuất giản đơn, khép kín, chu kỳ sản xuất ngắn, xen kẽ liên tục:**

**Trong tháng có các tài liệu sau**

**Trong tháng hoàn thành 160 thành phẩm B nhập kho.**

***Yêu cầu:* Lập bảng tính giá thành sản phẩm B**

## 2. PHƯƠNG PHÁP LOẠI TRỪ CHI PHÍ

- **Điều kiện:** cùng quy trình SX, vừa thu được SP chính, vừa thu được SP phụ
  - **Trình tự:**
    - Hạch toán CPSX, tính Z SP chính và phụ theo PP trực tiếp
    - Xác định CPSX của SP phụ theo:
      - Giá thành kế hoạch
      - Giá bán SP phụ
    - Tính Z<sub>sp</sub> chính
- $Z_{sp\text{ chính}} = Z_{sp\text{ chính \& phụ}} - \text{CPSX SP phụ}$**

- Một DN sản xuất đường kính tập hợp CPSX theo quy trình công nghệ sản xuất, tính giá thành theo từng tháng có tình hình như sau:
- CPSX dở dang đầu tháng: 66.000.000đ (Đánh giá theo chi phí NVL trực tiếp).
- CPSX phát sinh trong tháng
  - Chi phí NVL trực tiếp: 1.764.000.000đ
  - Chi phí nhân công trực tiếp: 60.000.000đ
  - CPSX chung: 150.000.000đ
- Cuối tháng, giá trị SPDD xác định được là 120.000.000đ (Đánh giá theo NVL trực tiếp)
- Kết quả sản xuất được 200 tấn đường trắng nhập kho. Ngoài ra còn 2 tấn mật rỉ nhập kho. Giá thành kế hoạch 1 tấn mật rỉ là 960.000 đ/tấn
- Yêu cầu: Tính giá thành sản phẩm đường kính trắng. Lập phiếu tính giá thành sản phẩm.



### 3. PHƯƠNG PHÁP HỆ SỐ

**Điều kiện vận dụng:** Cùng 1 qui trình sx, kết quả thu được nhiều loại sản phẩm chính khác nhau, xác định được hệ số quy đổi giữa các loại SP

Đối tượng tập hợp CPSX là toàn bộ qui trình công nghệ

Đối tượng tính giá thành là từng loại SP chính riêng biệt.

#### **Trình tự tính giá thành**

- Hạch toán CPSX, tính Z của nhóm SP
- Quy đổi các loại SP về SP tiêu chuẩn
- Tính giá thành đơn vị SP tiêu chuẩn

# PHƯƠNG PHÁP HỆ SỐ

**Bước 1:** Căn cứ vào qui trình công nghệ, đặc điểm kinh tế kỹ thuật, qui định cho mỗi SP 1 hệ số, trong đó chọn 1 SP đặc trưng tiêu biểu nhất làm sản phẩm tiêu chuẩn, có hệ số = 1.

**Bước 2:** Qui đổi SP thực tế thành SP chuẩn

$$\text{Tổng SLSP chuẩn} = \text{Tổng} \left[ \text{SL thực tế của SP}_i \times \text{Hệ số của SP}_i \right]$$

**Bước 3** Tính giá thành đơn vị 1 SP chuẩn:

$$\text{Giá thành 1 SP chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của tất cả sản phẩm}}{\text{Tổng SL SP chuẩn}}$$

**Bước 4:** Tính giá thành từng loại SP

$$\text{Giá thành đvị SP}_i = \text{Giá thành 1 SP chuẩn} \times \text{Hệ số của SP}_i$$

# VÍ DỤ PHƯƠNG PHÁP HỆ SỐ

Một DN SX trong cùng qui trình công nghệ SX đồng thời thu được 2 loại SP A & B. Trong tháng có các tài liệu sau:

- Chi phí sản xuất dở dang đầu tháng:
  - + Chi phí NVL trực tiếp: 5.000
  - + Chi phí nhân công trực tiếp: 1.000
  - + Chi phí sản xuất chung: 1.500
- CPSX trong tháng đã tập hợp cho cả qui trình công nghệ:
  - + Chi phí NVL trực tiếp: 45.000
  - + Chi phí nhân công trực tiếp: 9.000
  - + Chi phí sản xuất chung: 11.500
- Chi phí sản xuất dở dang cuối tháng:
  - + Chi phí NVL trực tiếp: 2.000
  - + Chi phí nhân công trực tiếp: 700
  - + Chi phí sản xuất chung: 1.000

Trong tháng SX được 180 SP A và 150 SP B. Sản phẩm A có hệ số bằng 1 và sản phẩm B có hệ số là 0,8.

*Yêu cầu:* Tính giá thành từng sản phẩm theo phương pháp hệ số



## 4. PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ

**Điều kiện vận dụng:** áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình công nghệ sản xuất, kết quả thu được là một nhóm sản phẩm cùng loại với những chủng loại, phẩm cấp, quy cách khác nhau.

Đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình công nghệ, đối tượng tính giá thành là từng quy cách phẩm cấp sản phẩm trong nhóm sản phẩm.

**Trình tự tính giá thành:**

1/Tính tổng giá thành kế hoạch hoặc giá thành định mức theo sản lượng thực tế (có thể theo từng khoản mục chi phí):

# PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ

$$\text{Tổng giá thành kế hoạch nhóm SP} = \text{Tổng} \left[ \begin{array}{l} \text{Số lượng từng} \\ \text{loại SP} \end{array} \times \text{Giá thành kế hoạch} \right. \\ \left. \text{từng loại SP} \right]$$

+ *Xác định tỉ lệ giá thành*

$$\text{Tỷ lệ giá thành} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của nhóm sản phẩm}}$$

+ *Xác định giá thành của từng sản phẩm:*

$$\text{Tổng giá thành từng loại sản phẩm} = \text{Giá thành kế hoạch theo SL thực tế từng loại SP} \times \text{Tỷ lệ giá thành}$$

# PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ

## B1: Tính Tổng giá thành thực tế của nhóm SP

$$\text{Tổng giá thành thực tế của nhóm SP} = \text{CPSX DD đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ} - \text{CPSX DD cuối kỳ} - \text{Điều chỉnh giảm giá thành}$$

## B2: Tính Tổng giá thành kế hoạch của nhóm SP

$$\text{Tổng giá thành kế hoạch nhóm SP} = \sum_g \left[ \text{Số lượng từng loại SP} \times \text{Giá thành kế hoạch từng loại SP} \right]$$

## B3: Tính tỷ lệ tính giá thành

$$\text{Tỷ lệ giá thành} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của nhóm sản phẩm}}$$

## B4: Tính giá thành thực tế từng loại SP

$$\text{Tổng giá thành thực tế từng loại SP} = \text{Giá thành kế hoạch từng loại SP} \times \text{Tỷ lệ giá thành}$$

# 5. PHƯƠNG PHÁP ĐƠN ĐẶT HÀNG

- Điều kiện: loại hình SX đơn chiếc, gia công theo đơn đặt hàng
- Đối tượng HTCP: từng đơn đặt hàng
- Đối tượng tính Z: SP của từng ĐĐH
- Kỳ tính Z: khi ĐĐH được thực hiện xong
- Trình tự:
  - Mở thẻ HTCP cho từng ĐĐH
  - Hạch toán CP trực tiếp cho từng ĐĐH; CP SX chung tập hợp theo PX, cuối kỳ phân bổ cho từng ĐĐH theo tiêu thức thích hợp
  - Khi ĐĐH hoàn thành, tính giá thành:  
 $Z_{sp} \text{ của ĐĐH} = \text{CPSX để thực hiện ĐĐH}$



# Phiếu tính giá thành đơn đặt hàng

## Phiếu tính giá thành

Tên khách hàng  
hàng

Mã số đơn

Địa chỉ

Tên và đặc điểm sản phẩm

Ngày nhận đơn hàng

Ngày hoàn thành

Ngày giao hàng

Chi phí NVL TT			CP nhân công TT			CP SX chung		
Ngày	Phiếu XK	Số tiền	Ngày	Phiếu lương	Số tiền	Ngày	C từ	Số tiền
Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng		
Ghi chú				Tổng hợp CP				
				Chi phí NVL TT				
				CP nhân công TT				
				CP SX chung				
				Tổng cộng				

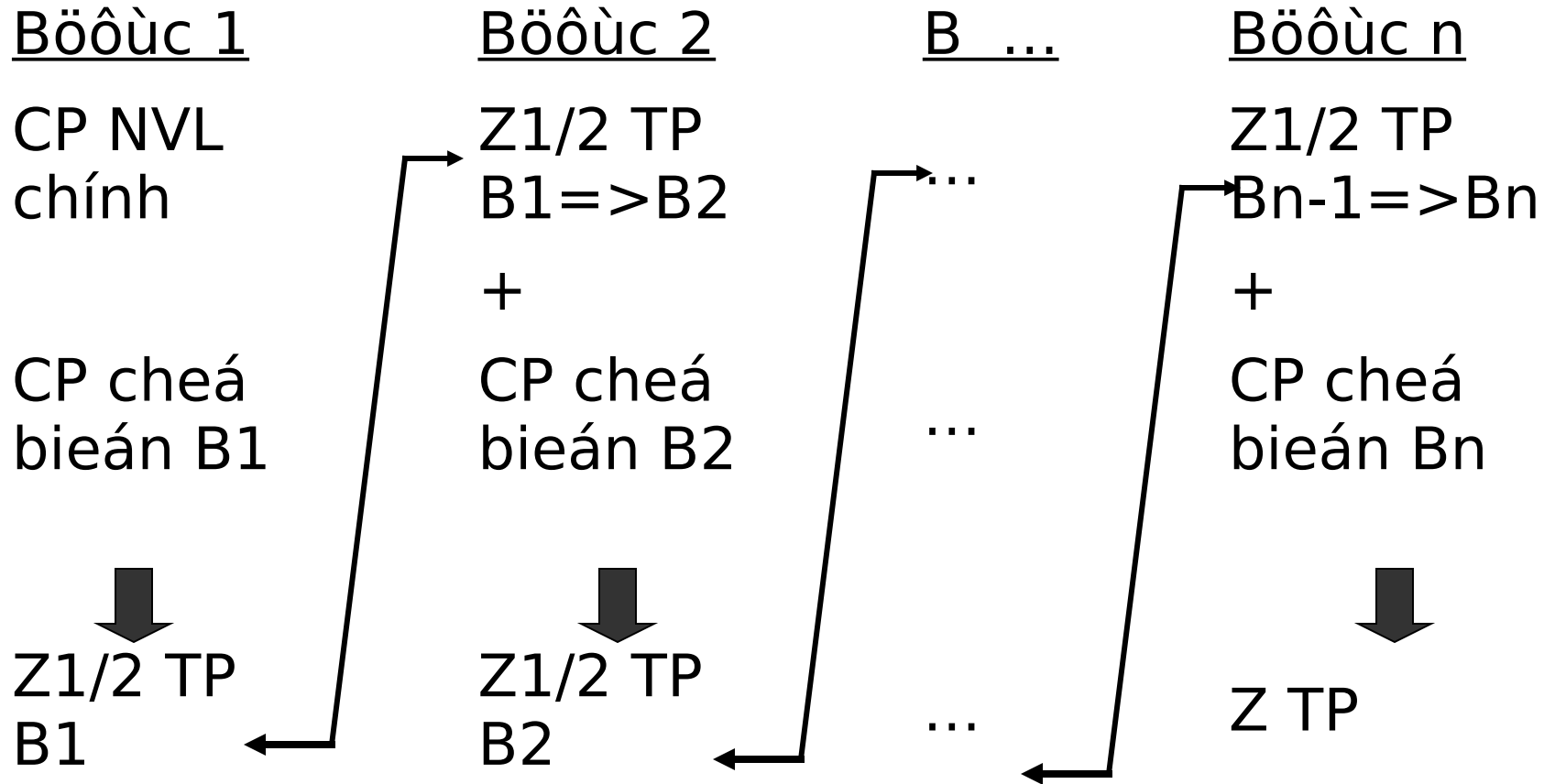
## 6. PHƯƠNG PHÁP TỔNG CỘNG CHI PHÍ

- Điều kiện: các bộ phận SX ra các chi tiết, bộ phận của SP. Các chi tiết này được lắp ráp thành TP
- Đối tượng HTCP: từng phân xưởng, bộ phận
- Đối tượng tính Z: TP; chi tiết của TP
- Trình tự:
  - Hạch toán CPSX, tính Z các chi tiết của SP
  - Z các chi tiết chuyển sang lắp ráp  $\Rightarrow$  CP VL trực tiếp của lắp ráp
  - Hạch toán CPSX của phân xưởng lắp ráp  $\Rightarrow$  Z<sub>tp</sub>

# 7. PP TÍNH THÀNH PHẦN BƯỚC

- Điều kiện:
  - Quy trình công nghệ phức tạp, trải qua nhiều bước chế biến
  - Đối tượng HTCP: từng giai đoạn (bước) chế biến
  - Đối tượng tính Zsp: thành phẩm;  $\frac{1}{2}$  TP ở từng bước chế biến

# PP tính giá thành phân bước – kết chuyển tuần tự (có tính Z 1/2 TP)



# PP tính giá thành phân bước–kết chuyển song song (không tính Z 1/2 TP)

**CPSX phát sinh ở từng giai đoạn có trong ZTP được tính theo công thức sau:**

$$C_{zi} = \frac{D_{đki} + C_i}{S_{tp} + S_d} S_{tp}$$

Trong đó:

$C_{zi}$ : CPSX phát sinh ở giai đoạn  $i$  có trong TP

$D_{đki}$ : Giá trị SPDD đầu kỳ ở giai đoạn  $i$

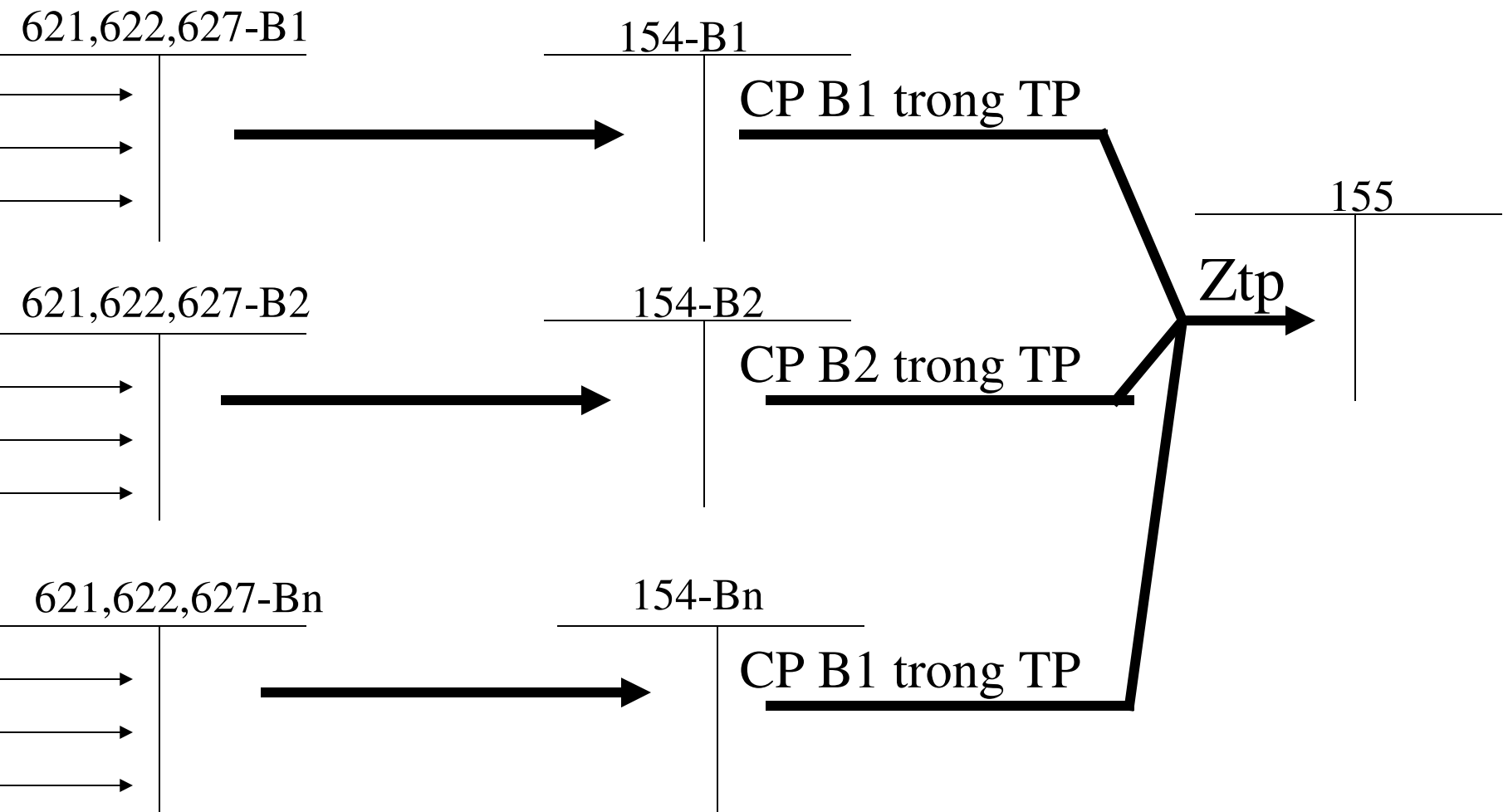
$C_i$ : CPSX phát sinh trong kỳ ở giai đoạn  $i$

$S_{tp}$ : Số lượng SPHT ở giai đoạn cuối (thành phẩm)

$S_d$ : Số lượng SPDD cuối kỳ của các giai đoạn liên quan đến chi phí bỏ ra của giai đoạn  $i$

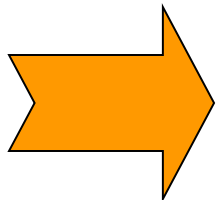
$$Z_{tp} = \sum_{i=1}^n C_{zi}$$

# PP tính giá thành phân bước-kết chuyển song song(không tính Z 1/2 TP)



# Trình tự kế toán CPSX – tính Z SP

- Trong kỳ: ghi nhận CPSX phát sinh:
  - Hạch toán CP NLVL trực tiếp
  - Hạch toán CP nhân công trực tiếp
  - Hạch toán CP sản xuất chung
- Cuối kỳ:
  - Tổng hợp chi phí sản xuất
  - Kiểm kê, đánh giá SP dở dang
  - Tính giá thành sản phẩm



Chịu ảnh hưởng bởi phương pháp kế toán hàng tồn kho mà DN áp dụng

# IV. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN THIẾT HẠI TRONG SẢN XUẤT

## 1. Kế toán thiệt hại do sản phẩm hỏng

- Tùy theo mức độ hư hỏng: 2 loại
  - SP hỏng có thể sửa chữa được: Thiệt hại SP hỏng chính là CP sửa chữa SP hỏng.
  - SP hỏng không thể sửa chữa được: Thiệt hại SP hỏng chính là CP sản xuất ra SP hỏng.



# 1. Kế toán thiệt hại do sản phẩm hỏng

- *Trong quan hệ với công tác kế hoạch: 2 loại.*
  - SP hỏng trong định mức: Thiệt hại SP hỏng được tính vào CPSX chính phẩm.
  - SP hỏng trên định mức:
    - Thiệt hại SP hỏng không được cộng vào CPSX chính phẩm.
    - Sau khi tìm hiểu nguyên nhân, quy trách nhiệm, bắt bồi thường, phần còn lại tính vào TK

# 1.1. Kế toán thiệt hại sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được

TK 154 (SX)

TK 152, 153

Giá thành SP hỏng  
không sửa chữa được

Giá trị phế  
liệu thu hồi

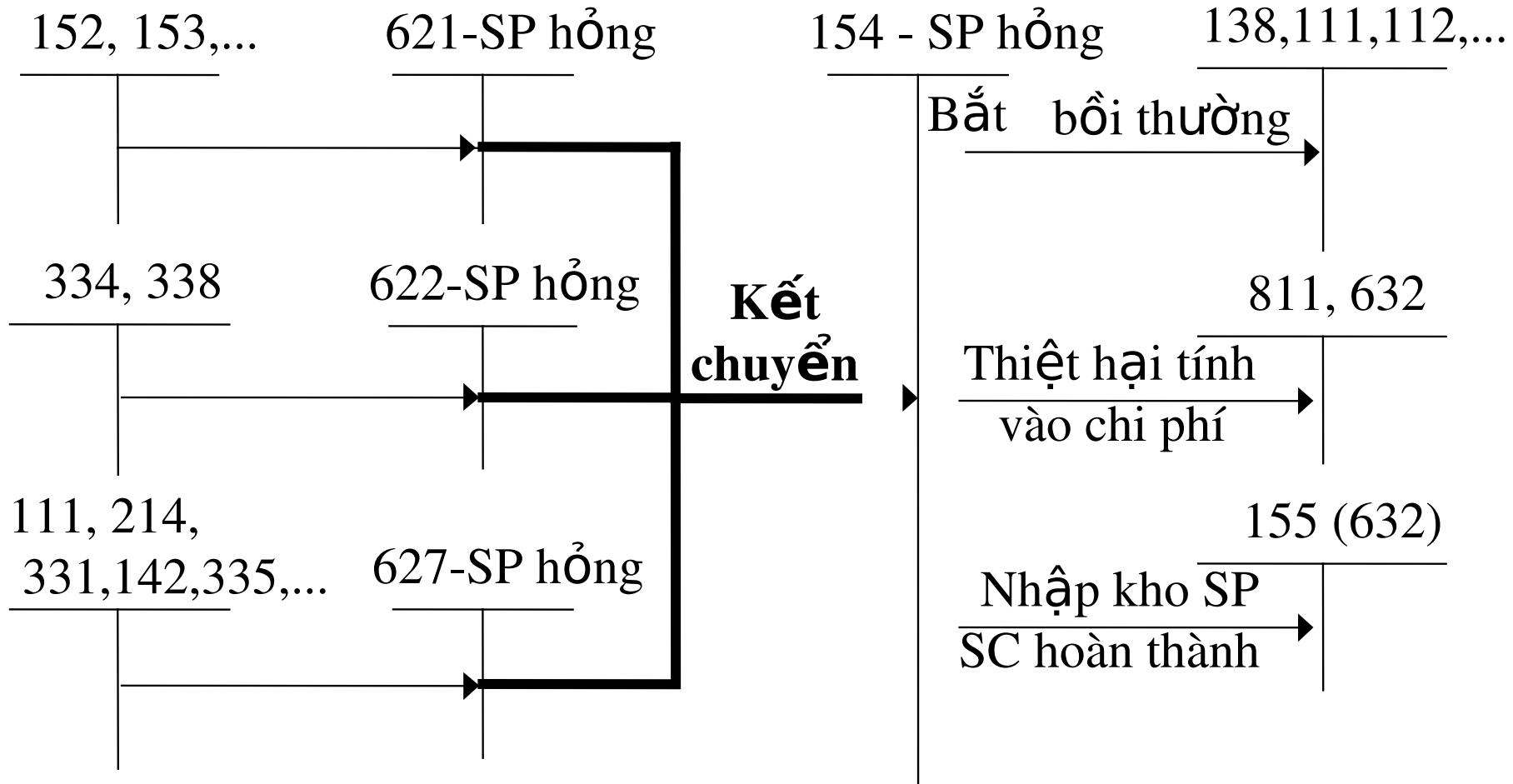
TK 111, 112, 138

Giá trị  
bất bồi thường

TK 811, 632

Giá trị thiệt hại  
tính vào chi phí

## 1.2. Kế toán sp hỏng sửa chữa được



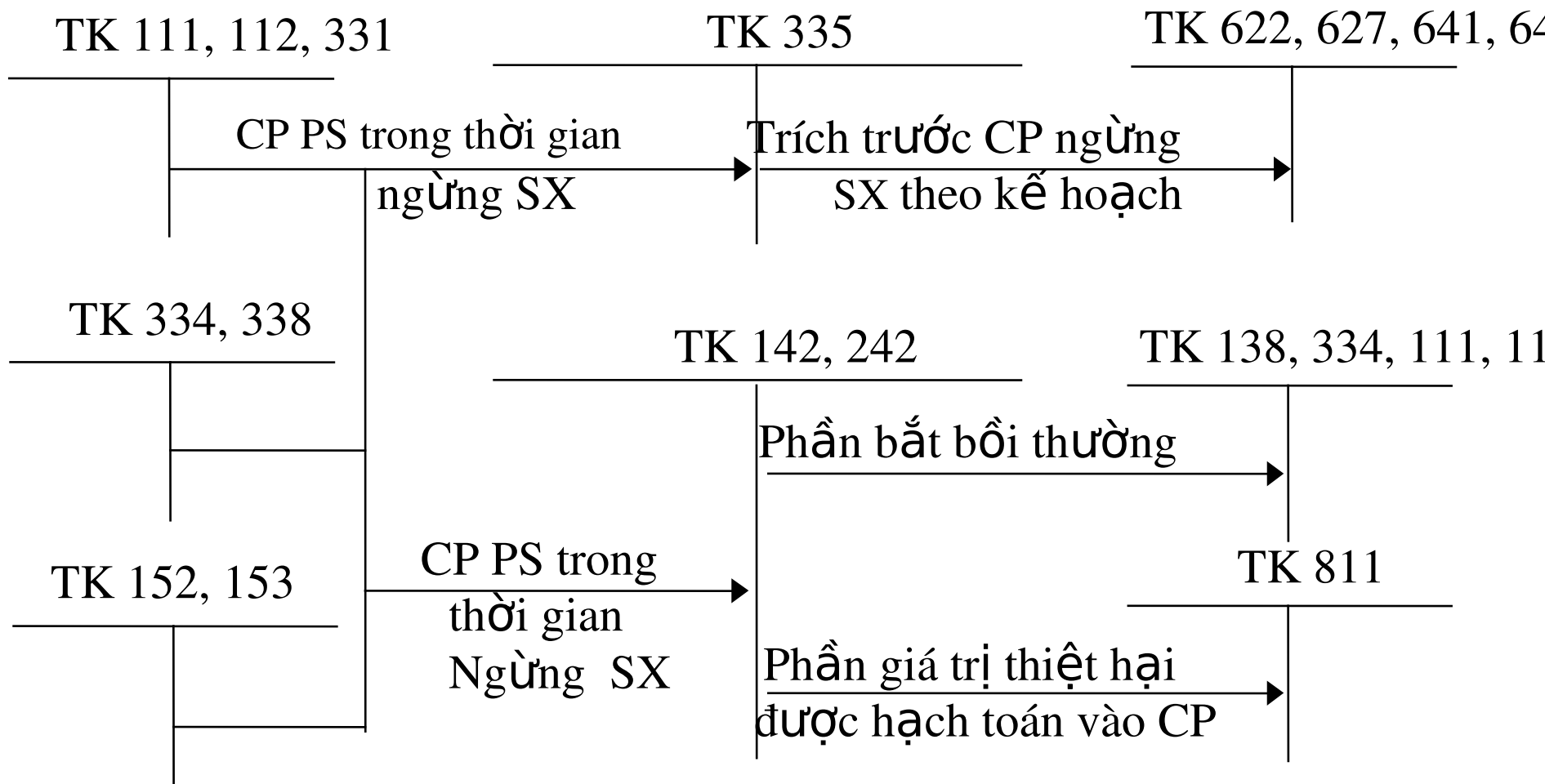
## 2. Kế toán các khoản thiệt hại về ngừng sản xuất

- DN ngừng hoạt động => vẫn phải chi ra một số chi phí như:
  - tiền lương phải trả cho CBCNV,
  - chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị,
  - chi phí quản lý,
  - khấu hao TSCĐ,....
- Những khoản chi phí chi ra trong khoảng thời gian này chính là khoản thiệt hại do ngừng sản xuất.

## 2. Kế toán các khoản thiệt hại về ngừng sản xuất

- o Thiệt hại ngừng sản xuất lập được kế hoạch : Trích trước
- o Thiệt hại ngừng sản xuất không lập được kế hoạch (VD: do thiên tai): khoản thiệt hại sau khi đã trừ đi phần bồi thường của vật chất được phân bổ dần vào CP theo quyết định xử lý.

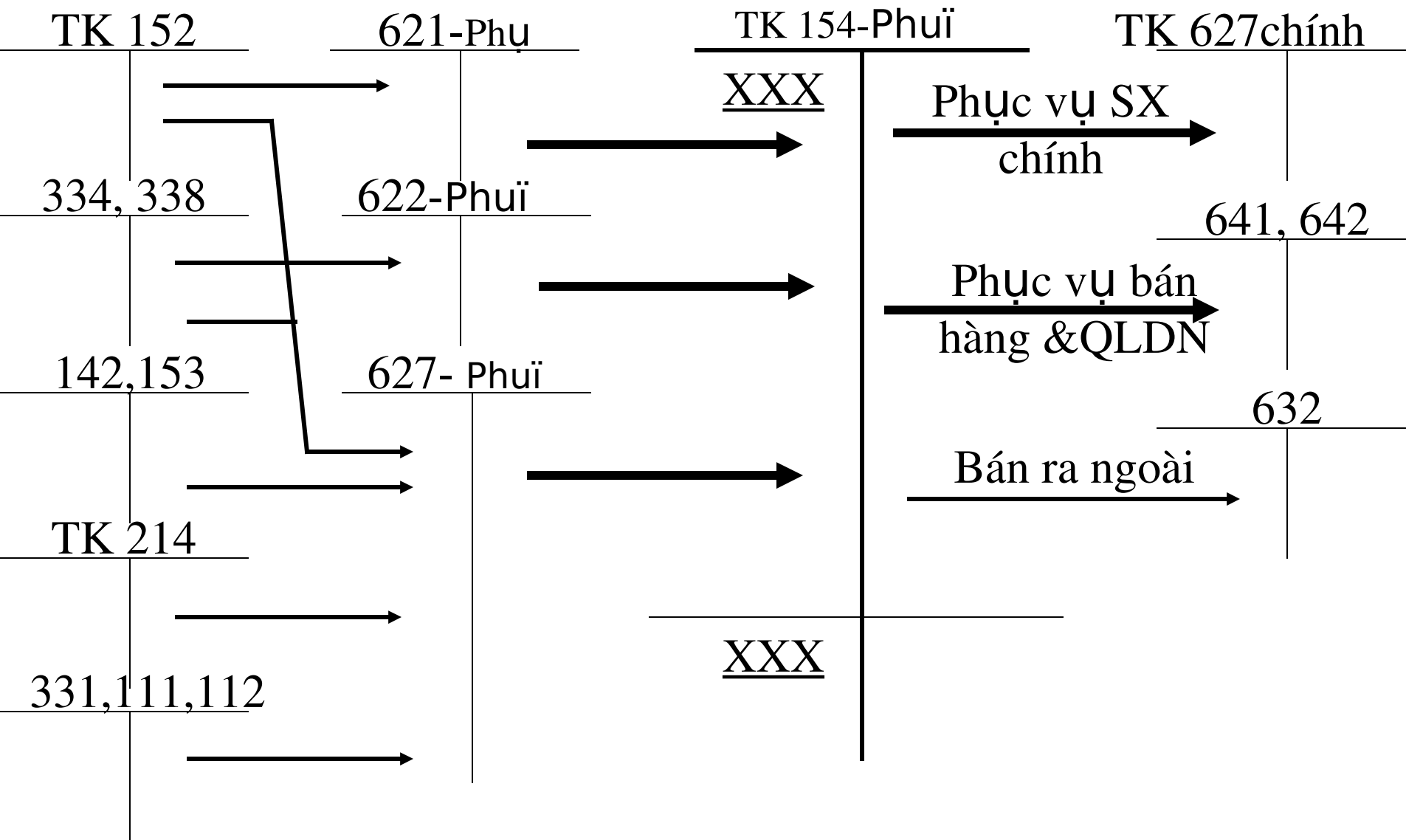
## 2. Kế toán các khoản thiệt hại về ngừng sản xuất



# V. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG SXKD PHỤ

- Sản xuất phụ là những bộ phận sản xuất:
  - Được tổ chức ra để phục vụ cho sản xuất, chính hoặc
  - Tận dụng phế liệu do sản xuất chính tạo ra nhằm phục vụ trở lại cho sản xuất chính,
  - Cung cấp SP phụ ra bên ngoài nhằm tận dụng năng lực, tăng thu nhập.
- Kế toán CPSX & tính giá thành: Tương tự SX chính

# Kế toán CPSX-Zsp SX Phụ





# Trường hợp giữa các PX SX phụ không có sự phục vụ lẫn nhau

$$\text{Giá thành đơn vị SP SX phụ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ} - \text{CPSX dở dang cuối kỳ}}{\text{SL SP SX phụ hoàn thành} - \text{SL SP SX phụ cung cấp cho bộ phận SXP khác \& tự dùng}}$$

$$\text{Giá trị SP SXP cung cấp cho từng đối tượng} = \text{Giá thành đơn vị SP SXP} \times \text{SL SP SXP cung cấp cho từng đối tượng}$$

# Trường hợp giữa các PX SX phụ có sự phục vụ lẫn nhau

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{đơn vị SP} \\ \text{SX phụ} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành của sản phẩm SX phụ}}{\text{SL SP SX phụ hoàn thành} - \text{SL SP SX phụ cung cấp cho bộ phận SXP khác \& tự dùng}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị SP SXP} \\ \text{cung cấp cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn} \\ \text{vị SP SXP} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{SL SP SXP cung cấp} \\ \text{cho từng đối tượng} \end{array}$$

# Trường hợp giữa các PX SX phụ **có** sự phục vụ lẫn nhau

- Tính giá trị phục vụ lẫn nhau giữa các PX sản xuất phụ: 02 cách:
  - Theo giá thành kế hoạch của từng loại sản phẩm sản xuất phụ
  - Theo giá thành ban đầu của từng loại sản phẩm sản xuất phụ